

Số: 55 /TTr-UBND

Sông Công, ngày 14 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025
thành phố Sông Công

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố Sông Công: số 85/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công; số 04/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND thành phố Sông Công về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (Đợt 1);

UBND thành phố trình HĐND thành phố khoá VIII kỳ họp thứ 25 (kỳ họp chuyên đề) về phương án bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công như sau:

1. Nguồn vốn

Tổng nguồn vốn đề nghị bổ sung: 551.326 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2024 chuyển nguồn sang: 175.564 triệu đồng.

- Nguồn vốn tăng thu thuế, phí năm 2024 chuyển nguồn sang: 39.706 triệu đồng.

- Dự kiến nguồn vốn kết dư ngân sách năm 2024 (kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 không giải ngân hết theo Luật Đầu tư công không đủ điều kiện chuyển nguồn do vậy bị huỷ bỏ): 336.056 triệu đồng.

2. Chi tiết phương án phân bổ

- Dự kiến bố trí vốn hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn các xã, phường với số tiền: 13.317,8 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch với số tiền: 5.188,7 triệu đồng.

- Bố trí vốn thực hiện dự án chuyển tiếp đối với 12 dự án với số tiền: 440.819,5 triệu đồng.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và khởi công mới đối với 03 dự án với số tiền: 92.000 triệu đồng

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Trên đây là bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Lưu: VP, TCKH.
Tramnn.BC.....b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Duy Nghĩa

Phụ lục: BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 59 /TTr-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của UBND thành phố Sông Công)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến sau điều chỉnh	Lũy kế giải ngân đến hết 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Nhu cầu vốn còn lại	Kế hoạch vốn năm 2025 để nghị phân bổ				Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng cộng	Tăng thu tiền sử dụng đất	Tăng thu thuế, phí	Kế hoạch vốn năm 2024 không giải ngân hết bị huy vốn năm trong kết dư ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7-8-9	11=12+13+14	12	13	14	15
	TỔNG CÔNG				1.798.812.817.074	1.357.076.849.000	428.014.271.047	368.469.540.331	468.593.037.622	551.325.926.200	175.563.848.004	39.706.238.977	336.055.839.219	
I	Dự kiến bổ trợ hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn các xã phường									13.317.670.000			13.317.670.000	
II	Nhiệm vụ quy hoạch				25.221.538.074	24.165.461.000	14.894.440.447	4.082.271.000	5.188.749.553	5.188.742.000	-	-	5.188.742.000	
1	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Quản lý đô thị	2020 - 2022	211-18/2/2020	370.668.000	365.000.000	281.724.739		83.275.261	83.275.000			83.275.000	
2	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Quản lý đô thị	2020 - 2022	210-18/2/2020	2.100.513.000	2.026.000.000	1.842.967.190		183.032.810	183.032.000			183.032.000	
3	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái thể thao Hồ Ghềnh Chè	Phòng Quản lý đô thị	2022 - 2023	2201 - 06/9/2022	6.415.326.298	6.045.000.000	3.450.000.000	2.521.970.000	73.030.000	73.030.000			73.030.000	
4	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 6 phường Bách Quang, thành phố Sông Công	Phòng Quản lý đô thị	2022 - 2023	04 - 01/01/2022	695.004.710	679.000.000	578.600.962		100.399.038	100.399.000			100.399.000	
5	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 4 Bà Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Quản lý đô thị	2022 - 2025	1338 - 25/5/2022	1.195.037.573	1.142.000.000	1.024.890.206		117.109.794	117.109.000			117.109.000	
6	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 2 Lương Sơn, thành phố Sông Công	Phòng Quản lý đô thị	2022 - 2024	3361 - 06/12/2021	1.240.274.075	1.091.000.000	760.301.492		330.698.508	330.698.000			330.698.000	
7	Quy hoạch chi tiết Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng, xã Tân Quang và xã Bà Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Quản lý đô thị	2022 - 2023	2366 - 30/9/2022; 1764 - 25/9/2023	685.655.000	685.655.000	261.000.000	399.701.000	24.954.000	24.954.000			24.954.000	
8	Quy hoạch chi tiết Nghĩa trang xã Bà Xuyên, xã Tân Quang, thành phố Sông Công	Phòng Quản lý đô thị	2022 - 2025	3059 - 14/12/2022	1.389.783.335	1.004.000.000	900.044.529		103.955.471	103.955.000			103.955.000	
9	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu Nghĩa trang Cái Đan, phường Cái Đan, thành phố Sông Công	Phòng Quản lý đô thị	2022 - 2023	2746 - 08/11/2022	739.164.943	739.000.000	520.380.681		218.619.319	218.619.000			218.619.000	
10	Quy hoạch chi tiết Mở rộng khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	1591-23/8/2023	1.312.771.676	1.312.000.000	1.111.735.563		200.264.437	200.264.000			200.264.000	
11	Quy hoạch chi tiết Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bà Xuyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	1592-23/8/2023	1.954.458.876	1.954.000.000	1.264.210.970		689.789.030	689.789.000			689.789.000	
12	Quy hoạch chi tiết khu dân cư và khu tái định cư số 5 Bà Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Quản lý đô thị	2023-2025	1714-14/9/2023	574.065.000	574.000.000	380.516.346		193.483.654	193.483.000			193.483.000	
13	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Sông Công đến năm 2040	Phòng Quản lý đô thị	2023-2025	1347-12/7/2023	3.560.606.288	3.560.600.000	2.147.398.023	1.160.600.000	252.601.977	252.601.000			252.601.000	
14	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực đô thị Tân Quang	Phòng Quản lý đô thị	2024-2025	849-28/5/2024	117.054.960	117.054.000	90.864.327		26.189.673	26.189.000			26.189.000	
15	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Bách Quang	Phòng Quản lý đô thị	2024-2025	842-28/5/2024	126.345.996	126.345.000	98.076.764		28.268.236	28.268.000			28.268.000	
16	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Thăng Lôi	Phòng Quản lý đô thị	2024-2025	851-28/5/2024	125.608.613	125.608.000	97.504.364		28.103.636	28.103.000			28.103.000	
17	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè	Phòng Quản lý đô thị	2024-2025	850-28/5/2024	108.501.307	108.501.000	84.224.291		24.276.709	24.276.000			24.276.000	
18	Lập quy hoạch tổng mặt bằng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Mỏ Chè	Phòng Quản lý đô thị	2024-2025	2385-06/12/2024	72.698.424	72.698.000			72.698.000	72.698.000			72.698.000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến sau điều chỉnh	Lũy kế giải ngân đến hết 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Nhu cầu vốn còn lại	Kế hoạch vốn năm 2025 đề nghị phân bổ				Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng cộng	Tăng thu tiền sử dụng đất	Tăng thu thuế, phí	Kế hoạch vốn năm 2024 không giải ngân hết bị huy vốn năm trong kết dư ngân sách	
19	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư TDP 11, phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công (Quy hoạch chi tiết Trung tâm thương mại và Dịch vụ phường Thăng Lợi)	Phòng Quản lý đô thị	2025-2026		260.000.000	260.000.000			260.000.000	260.000.000			260.000.000	
20	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn Khu dân cư di dân lòng hồ Ghềnh Chè, xã Bình Sơn, thành phố Sông Công.	Phòng Quản lý đô thị	2025-2026		154.000.000	154.000.000			154.000.000	154.000.000			154.000.000	
21	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường cải dân, thành phố sông công, tỉnh thái nguyên	Phòng Quản lý đô thị	2025-2026		1.116.000.000	1.116.000.000			1.116.000.000	1.116.000.000			1.116.000.000	
22	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư đường Thống Nhất, phường Cải Đan, thành phố Sông Công	Phòng Quản lý đô thị	2025-2026		908.000.000	908.000.000			908.000.000	908.000.000			908.000.000	
III	Dự án chuyển tiếp				1.555.511.279.000	1.240.911.388.000	413.119.830.600	364.387.269.331	463.404.288.069	440.819.514.200	175.563.848.004	39.706.238.977	225.549.427.219	
23	Xây dựng khu tái định cư cụm công nghiệp Bá Xuyên, thành phố Sông Công	Trung tâm Phát triển quỹ đất	2020-2025		19.000.000.000	18.500.000.000	14.082.706.417		4.417.293.583	4.417.293.000			4.417.293.000	
24	Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2025	843-31/3/2022	320.142.791.000	278.778.900.000	98.997.028.279	67.387.269.331	112.394.602.390	111.194.602.390	50.000.000.000		61.194.602.390	
25	Cải tạo, nâng cấp đường CMT8, thành phố Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	12 03/1/2024	95.000.000.000	75.000.000.000	8.065.676.726	20.000.000.000	46.934.323.274	45.934.323.000	30.000.000.000	15.000.000.000	934.323.000	
26	Đường đô thị dọc Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2025	1709-13/9/2023; NQ 48-12/12/2023	161.760.000.000	60.853.000.000	9.407.869.229	20.000.000.000	31.445.130.771	31.445.130.771		24.706.238.977	6.738.891.794	
27	Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2025	848-31/3/2022	188.000.000.000	188.000.000.000	73.165.818.294	60.000.000.000	54.834.181.706	51.954.517.035	30.000.000.000		21.954.517.035	
28	Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2025	849-31/3/2022	170.800.000.000	170.800.000.000	84.090.426.580	30.000.000.000	56.709.573.420	50.563.848.004	22.563.848.004		28.000.000.000	
29	Khu đô thị số 3, phường Mỏ Chè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	NQ 91-19/10/2021; NQ 14-13/3/2024;	156.000.000.000	136.000.000.000	31.236.664.972	65.000.000.000	39.763.335.028	39.763.335.000	29.000.000.000		10.763.335.000	
30	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	302-26/2/2024	99.000.000.000	75.163.000.000	1.673.016.475	50.000.000.000	23.489.983.525	23.489.983.000	6.000.000.000		17.489.983.000	
31	Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) - (năm trong QH khu trung tâm hành chính Sông Công), Hàng mục: Khu B	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2025	NQ61 - 26/12/2022; NQ 33 - 12/10/2023	170.000.000.000	62.008.000.000	951.517.592	40.000.000.000	21.056.482.408	21.056.482.000	8.000.000.000		13.056.482.000	
32	Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	304 27/2/2023; 2480 18/12/2023	78.300.000.000	78.300.000.000	44.318.308.321	5.000.000.000	28.981.691.679	25.000.000.000			25.000.000.000	
33	Hạ tầng Khu dân cư Tân Tiến, xã Tân Quang (đoạn Quốc lộ 3 nối Khu tái định cư Tân Tiến)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	3130-21/12/2022; 2448-19/12/2023	41.500.000.000	41.500.000.000	29.261.122.458	2.000.000.000	10.238.877.542	6.000.000.000			6.000.000.000	
34	Khu đô thị TDP 9, phường Mỏ Chè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	256 21/2/2023; 2419 18/12/2023	56.008.488.000	56.008.488.000	17.869.675.257	5.000.000.000	33.138.812.743	30.000.000.000			30.000.000.000	
IV	Vốn chuẩn bị đầu tư và dự kiến khởi công mới năm 2025 (Phân bổ chi tiết sau khi có Quyết định phê duyệt dự án)				218.080.000.000	92.000.000.000	-	-	-	92.000.000.000	-	-	92.000.000.000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến sau điều chỉnh	Lũy kế giải ngân đến hết 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Nhu cầu vốn còn lại	Kế hoạch vốn năm 2025 để nghị phân bổ				Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng cộng	Tăng thu tiền sử dụng đất	Tăng thu thuế, phí	Kế hoạch vốn năm 2024 không giải ngân hết bị huy vốn năm trong kết dư ngân sách	
35	Đường Cách mạng Tháng Mười (lân phía Bắc)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027		77.080.000.000	50.000.000.000				50.000.000.000			50.000.000.000	
36	Đất tái định cư thuộc dự án đường Cách mạng Tháng Mười (lân phía Bắc)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027		2.000.000.000	2.000.000.000				2.000.000.000			2.000.000.000	
37	Khu dân cư số 5, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2026		139.000.000.000	40.000.000.000				40.000.000.000			40.000.000.000	